

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH A

Với thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên họp: Ông Đỗ Như Ý.

Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Bách Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh A.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh A tham gia phiên họp: Ông Trần Xuân An – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh A mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 165/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2022 về việc: “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con*” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 11/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 01 năm 2023, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Chị Nguyễn Thị H - sinh năm 1989

ĐKHKTT: thôn 1 Phúc Đồng, Phúc Trạch, Thuận Thành, Quảng An

Nơi làm việc: Công ty TNHH thương mại và đầu tư Phùng Thịnh

Địa chỉ: khu Gò Chùa, thị trấn Cẩm K, Cẩm K, tỉnh A

- Anh Thái Văn T - sinh năm 1990

ĐKHKTT: xóm Yên Mọi, Long Thành, Nam Đàn, Nghệ Tĩnh.

Địa chỉ hiện nay: 8120044 Fukuoka ken, Fukuoka-shi, Hakata-ku Chiyo 4-24-12-313 Rupo kencho Kuchi- Nhật Bản.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Bà Trần Thị N, sinh năm 1959

ĐKHKTT: xóm Yên Mọi, Long Thành, Nam Đàn, Nghệ Tĩnh.

(Các đương sự đều đề nghị giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo Đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự và các lời khai tiếp theo, anh Thái Văn T và chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị H và anh Thái Văn T đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu ngày 04/3/2016 tại UBND xã Long Thành, Nam Đàn, Nghệ Tĩnh. Sau khi kết hôn, thời gian đầu hai vợ chồng chung sống hạnh phúc. Sau đó, anh T đi lao động tại Nhật Bản, từ đó giữa hai vợ chồng bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn nên tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách. Anh chị đã nhiều lần cố gắng hàn gắn quan hệ hôn nhân nhưng không thành. Nay xét thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh T, chị H thống nhất đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được thuận tình ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có 02 con chung là cháu Thái Hoàng Gia, sinh ngày 04/10/2014 và cháu Thái Gia Tuệ, sinh ngày 06/2/2016. Khi ly hôn anh T, chị H thống nhất thỏa thuận giao cháu Thái Hoàng Gia và cháu Thái Gia Tuệ cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng chị H sẽ không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Do hiện nay anh T đang ở nước ngoài không có mặt tại Việt Nam nên anh chị thống nhất thỏa thuận tạm giao 2 cháu Gia và Tuệ cho bà Trần Thị N (mẹ đẻ anh T) trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi anh T trở về Việt Nam.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị N trình bày: bà đề nghị Tòa án chấp nhận việc ly hôn giữa anh T với chị H. Về con chung của anh T và chị H bà có quan điểm: bà đề nghị Tòa án tạm giao 2 cháu Gia và Tuệ cho bà chăm sóc, nuôi dưỡng thay anh T trong thời gian anh T vắng mặt tại Việt Nam, khi nào anh T về nước bà sẽ giao lại 2 cháu Gia và Tuệ cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: anh T, chị H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về lệ phí giải quyết việc dân sự: chị H xin tự nguyện chịu toàn bộ.

Chị Hồng, anh T đều nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và giải quyết vắng mặt mình.

Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh A phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán; Thư ký phiên họp kể từ khi thụ lý việc dân sự cho đến trước thời điểm Thẩm phán ra quyết định giải quyết việc dân sự và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng, việc thu thập chứng cứ của Tòa án tiến hành theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

Về nội dung việc dân sự: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh A đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Thái Văn T; Về con chung: giao cháu Thái Hoàng Gia, sinh ngày 04/10/2014 và cháu Thái Gia Tuệ, sinh ngày 06/2/2016 cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, chị H sẽ không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tạm giao 2 cháu Gia và Tuệ cho bà Trần Thị N (mẹ đẻ anh T) trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi anh T trở về Việt Nam; Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: anh T, chị H xác định không có nên không đặt ra xem xét,

giải quyết; Về lệ phí giải quyết việc dân sự: công nhận sự tự nguyện chịu lệ phí ly hôn của chị Nguyễn Thị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh A, Tòa án nhân dân tỉnh A nhận định:

Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị H và anh Thái Văn T là hôn nhân tự nguyện, hợp pháp. Do vợ chồng sống xa cách, không có sự quan tâm, chia sẻ lẫn nhau dẫn đến phát sinh nhiều mâu thuẫn trong quan hệ vợ chồng. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Nguyễn Thị H và anh Thái Văn T đều đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Do đó, việc chị H và anh T thuận tình ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, được chấp nhận theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

Trong hồ sơ thể hiện anh Thái Văn T hiện nay đang ở Nhật Bản. Tại văn bản số 25183/QLXNC-P5 ngày 24/11/2022 của Cục quản lý xuất nhập cảnh – Bộ công an (Bút lục số 26) đã cung cấp thông tin: *“Theo dữ liệu Cục quản lý xuất nhập cảnh quản lý: có trường hợp Thái Văn T, sinh ngày 10/02/1990 tại Nghệ Tĩnh, CMND số 186873629, khai hộ khẩu thường trú tại: Long Thành, huyện Nam Đàn, Nghệ Tĩnh; đã sử dụng hộ chiếu số C4758227 để xuất cảnh ngày 9/12/2018 qua cửa khẩu Nội Bài, hiện chưa có thông tin nhập cảnh.”*. Căn cứ khoản 2 Điều 29, khoản 3 Điều 35, Điều 37 của Bộ luật tố tụng dân sự, TAND tỉnh A thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền.

Theo đơn đề nghị Tòa án tiến hành trưng cầu giám định của chị Nguyễn Thị H đối với Đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự; Bản tự khai; Đơn xin giải quyết vắng mặt đối với dấu vân tay ngón trỏ phải và trỏ trái cạnh chữ Thái Văn T trong các văn bản trên của anh T gửi về Việt Nam. TAND tỉnh A đã trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh A tiến hành giám định đối với dấu vân tay ngón trỏ phải và trỏ trái cạnh chữ Thái Văn T trong các văn bản nêu trên. Tại Kết luận giám định số 93/KL-KTHS ngày 03/01/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh A đã kết luận như sau: *“06 dấu vân tay dưới mục “Họ và tên chồng; Người khai; Người làm đơn” (ký hiệu số 1, 2, 3, 4, 5, 6) trên “Đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự, Bản tự khai; Đơn xin giải quyết vắng mặt” ngày 3/10/2022 (tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A2, A3) so với 02 dấu vân tay in ở ô ngón trỏ phải, ngón trỏ trái trên “Giấy chứng minh nhân dân” số: 186873629; Họ tên: Thái Văn T; sinh ngày: 10/2/1990; Nơi ĐKKH thường trú: Long Thành, Nam Đàn, Nghệ Tĩnh, cấp ngày 14/3/2007 (tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M) là của cùng một người in ra”*. Do đó, có đủ cơ sở để khẳng định rằng việc anh Thái Văn T thuận tình ly hôn với chị Nguyễn Thị H là hoàn toàn tự nguyện.

Về con chung: Từ các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ xác định chị Nguyễn Thị H và anh Thái Văn T có 02 con chung là cháu Thái Hoàng Gia, sinh ngày 04/10/2014 và cháu Thái Gia Tuệ, sinh ngày 06/2/2016. Khi ly hôn anh T, chị H thống nhất thỏa

thuận giao cháu Thái Hoàng Gia và cháu Thái Gia Tuệ cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, chị H sẽ không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Do hiện nay anh T đang ở nước ngoài không có mặt tại Việt Nam nên anh chị thống nhất thỏa thuận tạm giao 2 cháu Gia và Tuệ cho bà Trần Thị N (mẹ đẻ anh T) trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi anh T trở về Việt Nam. Xét thấy, thỏa thuận của chị H, anh T và bà Nhiếp phù hợp với quy định của Luật hôn nhân gia đình nên được chấp nhận.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: chị H, anh T xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về lệ phí giải quyết việc dân sự: chấp nhận sự tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí giải quyết việc dân sự của chị Nguyễn Thị H.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 29; khoản 3 điều 35, điểm b khoản 1 điều 37; điểm h khoản 2 Điều 39; khoản 2 Điều 149; Điều 361, 362, 365, 366, 367, 369, 370 và Điều 371 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 55, Điều 81, 82, 83 và Điều 123 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Thái Văn T.

[2] Về con chung: Công nhận thỏa thuận về nuôi con chung giữa chị Nguyễn Thị H và anh Thái Văn T. Giao cháu Thái Hoàng Gia, sinh ngày 04/10/2014 và cháu Thái Gia Tuệ, sinh ngày 06/2/2016 cho anh Thái Văn T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị Nguyễn Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tạm giao cháu Thái Hoàng Gia và cháu Thái Gia Tuệ cho bà Trần Thị N (là mẹ đẻ của anh T) trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi anh T về Việt Nam.

Chị Nguyễn Thị H có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: chị Nguyễn Thị H và anh Thái Văn T xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Công nhận chị Nguyễn Thị H tự nguyện chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền lệ phí giải quyết việc dân sự. Xác nhận chị Nguyễn Thị H đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng lệ phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0000253 ngày 08/12/2022 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh A.

[5] Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh A;
- Cục THADS tỉnh A;
- UBND xã Long Thành;
- Đường sự;
- Lưu: AV, HSVA.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Đỗ Như Ý